

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 2

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỖ KHEO

Đoạn 1: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI (Tiếp Theo)

1. GIỚI DÂM DỤC (Phần còn lại)

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, như trên đã nói. Bấy giờ tại nước Uất-xà-ni có người vợ của một chàng thanh niên tính tình gian dâm, cùng giao hoan với người khác. Người chồng tức giận khiển trách trực tiếp nàng nhưng rồi nàng vẫn thế, nên anh ta muốn trừng phạt nghiêm khắc, song nàng vẫn không chịu bỏ. Người chồng rình lúc họ hành dâm, liền bắt cả hai đem lên trình với nhà Vua, và tâu: “Tâu Đại vương, người đàn bà này là kẻ bất lương đã cùng với ông này làm tình, xin Đại vương hãy trừng trị nghiêm khắc để ngăn ngừa về sau”.

Khi ấy, nhà Vua vô cùng tức giận bèn ra lệnh quan Hữu ty chặt tay chân cô ta, rồi đem vứt ngoài nghĩa địa. Quan Hữu ty liền dẫn cô ta ra nghĩa địa, chặt tay chân, rồi bỏ nằm giữa tại đó.

Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo đi qua nghĩa địa, thấy người phụ nữ ấy đang nằm lỏa thể trên đất, vì thầy tư duy không chân chánh, nên phát sanh tưởng dục, bèn bảo người phụ nữ kia cùng làm việc ấy (hành dâm). Cô ta liền đáp: “Thân hình tôi như thế này mà có thể làm được việc ấy sao?”.

Thầy Tỳ-kheo nói: “Có thể được”. Cô ta bèn đồng ý, nên hai người cùng hành dâm. Sau khi xong việc, thầy Tỳ-kheo liền bỏ đi.

Lúc này, những bạn bè thân quyến của người phụ nữ ấy cùng bảo nhau ra nghĩa địa xem cô ta đã chết hay còn sống.

Thế rồi, họ cùng kéo nhau ra nghĩa địa, thấy cô ta bị chặt cả tay chân, đang nằm giữa trên đất và trên thân còn dấu vết vừa mới hành dâm. Họ đều nổi giận bảo với cô: “Người đang bị thống khổ, mà còn làm chuyện ấy, con người ta sao có thể vô liêm sỉ đến thế?”.

Người phụ nữ ấy đáp: “Người ta đến cưỡng bức tôi, chớ không phải lỗi của tôi”.

Họ bèn hỏi: “Kẻ cưỡng bức là ai vậy?”.

Cô ta đáp: “Đó là Sa-môn giòng họ Thích”.

Mọi người đều thất kinh lấy làm quái lạ bảo nhau: “Hạng Sa-môn Thích tử đối với một người đàn bà tàn phế thế này mà không từ bỏ, huống gì những người thân thể còn toàn vẹn. Chúng ta phải đề phòng gìn giữ, chớ để họ tới gần nhà. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo đức gì”.

Vị Tỳ-kheo kia, sau đó hối hận, nghi ngờ liền bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Này Tỳ-kheo! Thầy không nghe Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Con biết Thế Tôn có chế giới nhưng tưởng là đối với người thân thể vẹn toàn, chứ còn người đàn bà này cụt tay chân”.

Phật dạy: “Người đàn bà bị chặt một tay trái và một chân phải hay bị chặt một tay phải và một chân trái, nếu Tỳ-kheo hành dâm với họ, đều phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, khi Phật ở thành Vương-xá, như đã nói ở trên. Có một Tỳ-kheo tại tinh xá Kỳ-hoàn, sau khi ăn xong, vào trong rừng Khai Nhân tọa thiền. Bấy giờ, tại rừng Khai Nhân có một phụ nữ nổi cơn điên, nằm trên đất ngủ, gió thổi bay vạt áo, khiến thân thể lộ ra. Khi ấy, Tỳ-kheo không tư duy chân chánh, tâm dục phát khởi, liền hành dâm với người ấy. Khi hành dâm xong, liền hối hận, ngờ vực, bèn bạch đầy đủ việc ấy lên Thế Tôn. Phật liền bảo với Tỳ-kheo: “Người không biết là Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Thầy Tỳ-kheo đáp: “Con có biết Phật chế giới, nhưng người phụ nữ này điên cuồng, nằm ngủ”.

Phật dạy: “Hành dâm với phụ nữ điên cuồng nằm ngủ cũng phạm Ba-la-di”.

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trước v.v... Lúc ấy có một người vợ của cư sĩ ở nhà cha mẹ lâu ngày, nhà chồng sai người đến báo tin nàng ấy phải về gấp. Nàng bèn làm các thức ăn đem theo, trên đường đi nàng trúng phải gió độc nên mạng vong. Nơi thành Tỳ-xá-ly này khí hậu ẩm thấp, người chết không thể để lâu ngày. Bấy giờ, những người thân quyến tập họp lại, họ bảo nhau phải đưa gấp tử thi đến nghĩa địa, kéo để hư thối khiến người ta nhờm tởm. Nhưng khi rước tử thi, gặp mưa gió lớn, họ bèn đặt tử thi tại một chỗ, dùng cỏ phủ

lên, định sáng hôm sau đem đi thiêu. Song, đêm đó mưa tạnh trời trong, trăng sáng, lúc ấy có một Tỳ-kheo đi tới nghĩa địa. Khi đến chỗ để tử thi, nghe mùi hương từ trong thân thể tử thi mới chết tỏa ra, ngỡ là người sống. Vị Tỳ-kheo này không chánh tư duy, tâm dục sinh khởi, liền hành dâm với tử thi. Khi hành dâm xong, thầy thấy chưa chán, bèn vác tử thi đem về trú xứ, tiếp tục hành dâm suốt đêm, đến sáng sớm, bèn đóng cửa, vào làng khất thực. Sáng sớm hôm ấy, thân quyến của người phụ nữ này, mang hương dầu, củi, lửa, định đem thiêu xác cô ta, nhưng họ tới chỗ cũ thì không thấy tử thi, lại cũng không thấy dấu vết gì do chim muông ăn cả. Họ tìm khắp mà không thấy, họ liền mở cửa thảo am của Tỳ-kheo thì thấy tử thi trong đó, và trên tử thi còn dấu vết vừa mới hành dâm. Thấy thế, họ liền bảo nhau: “Quái lạ thay! Sa-môn Thích tử, người chết còn không tha, huống gì là người sống! Từ nay trở đi chúng ta cần phải phòng hộ, chớ để Sa-môn bước chân vào nhà. Những loại này là súc vật bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!”.

Sau đó thầy Tỳ-kheo cảm thấy hối hận, ngờ vực, bèn bạch đầy đủ sự việc lên Thế Tôn. Phật dạy: “Này Tỳ-kheo! Thầy không biết là Ta chế giới không được hành dâm sao?”.

Vị Tỳ-kheo đáp: “Con biết Phật có chế giới, nhưng đó là người đàn bà chết”.

Phật dạy: “Hành dâm với người đàn bà chết cũng phạm Ba-la-di”.

Có ba trường hợp thầy Tỳ-kheo hành dâm phạm Ba-la-di, đó là hành dâm với người thức, người ngủ và người chết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo đang cư trú tại Tỳ-xá-ly phải tập hợp lại tất cả, rồi vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc ở trước chúng Tăng hòa hợp, giới yếu kém không trả giới, không ra khỏi (chúng Tăng) mà hành dâm, thậm chí hành dâm với súc dinh, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

(Phần duyên khởi của Ba-la-di đến đây là hết)

GIẢI THÍCH:

Tỳ-kheo: Đã thọ Cụ túc, khéo thọ giới Cụ túc, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp, chứ không phải không hòa hợp, đáng khen ngợi, chớ không phải không đáng khen ngợi, đủ hai mươi tuổi, chứ không phải chưa đủ. Đó là Tỳ-kheo.

Thọ giới Cụ túc ở trước Tăng chúng hòa hợp: Nếu Tỳ-kheo lúc

thọ Cụ túc khéo thọ Cụ túc tức là: Một lần bạch, Ba lần Yết-ma, không bị chướng pháp, (già nạn). Tăng chúng hòa hợp, không biệt chúng, đủ mười vị Tăng (Giới sư) hoặc hơn mười vị. Đó là Tỳ-kheo thọ giới Cụ túc ở giữa chúng Tăng hòa hợp.

Không trả giới: (Để rõ sự việc, trước hãy nói về “Trả giới”)

Trả giới: Lúc vị Tỳ-kheo bị ưu sầu không vui, ý muốn bỏ pháp Sa-môn, không thích làm Tỳ-kheo, không ưa làm người con Phật, nói: “Tôi muốn làm Sa-di, tôi muốn làm ngoại đạo; tôi muốn làm người thế tục, hưởng thọ năm thứ dục lạc như xưa”, rồi hướng vào một Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, ngoại đạo, người xuất gia hoặc người thế tục tại gia nói: “Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ môn học, bỏ thuyết (giới), bỏ cộng trú, bỏ cộng lợi, bỏ Kinh Luận, bỏ Tỳ-kheo, bỏ Sa-môn, bỏ dòng họ Thích. Tôi không phải Tỳ-kheo, không phải Sa-môn, không phải dòng họ Thích. Tôi là Sa-di, là ngoại đạo, là người thế tục, nay tôi sẽ thọ hưởng năm dục như trước”. Đó gọi là trả giới.

Thế nào là bỏ Phật?

Bỏ Phật: Bỏ bậc Chánh giác, bỏ Đức tối thắng, bỏ Đấng Nhất thiết trí, bỏ bậc Thầy tất cả, bỏ bậc thầy không sót thứ gì, bỏ phụ thân của La-hầu-la, bỏ Đấng có thân như vàng ròng, bỏ bậc có ánh sáng viên mãn, bỏ ba mươi hai tướng, bỏ tám mươi tướng phụ tốt đẹp. Nếu xả bỏ mỗi mỗi danh hiệu Phật, đều gọi là bỏ Phật. Bỏ Phật như vậy, thì gọi là bỏ giới. Nhưng nếu nói bỏ Phật quá khứ, vị lai thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không nói bỏ Phật quá khứ, vị lai mà nói thẳng là bỏ Phật, đó gọi là bỏ giới. Hoặc nói: “Bỏ Phật-bích-chi”, đó gọi là bỏ giới. Về quá khứ, vị lai giống như trường hợp bỏ Phật ở trên. Vả lại, tất cả các đệ tử xuất gia của hàng Lục sư ngoại đạo, họ cũng đều bảo có Phật. Nếu Tỳ-kheo thật sự muốn bỏ Phật ấy, rồi bảo tôi bỏ Phật, thì không gọi là bỏ giới nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Song nếu vì đùa cợt, nói: “Tôi bỏ Phật” thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nhưng, nếu cuồng điên, nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ pháp?

Pháp là không thuộc vào ba đời, tướng của pháp thường trụ, là Niết-bàn vô vi, lia các phiền não, vĩnh viễn dứt sạch tất cả khổ não. Nếu nói tôi bỏ những pháp ấy, tức là bỏ giới. Nhưng nếu nói bỏ pháp quá khứ, vị lai, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nhưng, nếu không nói bỏ pháp quá khứ, vị lai mà nói thẳng là bỏ pháp, thì đó là bỏ giới. Tất cả ngoại đạo cũng đều có pháp. Nếu Tỳ-

kheo thật sự muốn bỏ pháp này và nói rằng tôi bỏ pháp ấy, thì đó không gọi là bỏ giới. Nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa là mình bỏ pháp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ Tăng?

Tăng là đệ tử của Đức Thế Tôn, là các bậc hướng chánh, hướng trí, hướng pháp, hướng tùy thuận pháp hành, nghĩa là tứ song bát bối (bốn Hướng, bốn Quả), Tín thành tựu, Giới thành tựu, Văn thành tựu, Tam muội thành tựu, Tuệ thành tựu, Giải thoát thành tựu, Giải thoát tri kiến thành tựu, đáng được tôn kính, là phước điền vô thượng. Nếu Tỳ-kheo nói tôi bỏ Tăng như thế thì gọi là bỏ giới. Nhưng nếu nói tôi bỏ quá khứ, vị lai Tăng, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không nói quá khứ, vị lai Tăng mà nói thẳng là “bỏ Tăng”, thì gọi là bỏ giới. Giống như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng thế. Nếu nói: “Tôi bỏ nhiều vị Tỳ-kheo” thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Tôi bỏ nhiều Tỳ-kheo quá khứ, vị lai” thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nói bỏ nhiều Tỳ-kheo quá khứ, vị lai mà nói thẳng là “Tôi bỏ nhiều Tỳ-kheo” thì cũng không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Giống như nhiều Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo-ni cũng như thế. Nếu nói: “Tôi bỏ một Tỳ-kheo” thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: “Tôi bỏ một Tỳ-kheo quá khứ, vị lai” thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu không nói: “Tôi bỏ một Tỳ-kheo quá khứ, vị lai”, mà nói thẳng là: “Tôi bỏ một Tỳ-kheo” thì cũng không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Giống như một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni cũng thế. Nếu nói: “Tôi bỏ Hòa thượng”, đó gọi là bỏ giới. Những sai biệt giống như trường hợp bỏ Tăng đã nói ở trên. Nếu nói: “Tôi bỏ thầy (A-xà-lê)”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Tôi bỏ thầy quá khứ, vị lai”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nói bỏ thầy quá khứ, vị lai” mà nói thẳng là bỏ thầy, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa là bỏ thầy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cuồng điên nói bậy bạ, thì không có tội.

Các hàng ngoại đạo cũng đều tự xưng là Tăng. Nếu Tỳ-kheo thực sự muốn bỏ hạng Tăng ấy, và nói: “Tôi bỏ ngoại đạo Tăng”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: “Tôi bỏ Tăng”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì điên cuồng nói bậy bạ, thì không có tội.

Thế nào gọi là bỏ môn học?

Các môn học gồm ba thứ là: Giới học tăng thượng, Ý (tâm) học tăng thượng và Tuệ học tăng thượng.

Giới học tăng thượng: Giới Ba-la-đề-mộc-xoa, được thuyết minh rộng rãi hay đơn giản.

Ý học tăng thượng: Chín nấc thiền định (chánh thọ).

Tuệ học tăng thượng: Bốn Thánh đế.

Các giới học tăng thượng, ý học tăng thượng và tuệ học tăng thượng ấy đều được gọi là các môn học. Nếu Tỳ-kheo nói: “Tôi bỏ những môn học ấy”, tức là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên. Thế gian mỗi ngành đều có môn học riêng, như công nghiệp, toán số, kỹ thuật v.v... đều gọi là môn học. Nếu Tỳ-kheo muốn bỏ những môn học ấy, và nói: “Tôi bỏ môn học đó”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc như ngoại đạo mỗi phái đều có một môn học riêng. Nếu Tỳ-kheo muốn bỏ những môn học đó vờ vĩnh nói: “Tôi bỏ các môn học ngoại đạo” thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: “Tôi bỏ môn học”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào gọi là bỏ thuyết (giới)?

Thuyết giới có ba trường hợp, hoặc thuyết giới vào ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trung gian thuyết giới (Bố-tát).

Ngày mười bốn là: Vào mùa Đông, Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Mùa Xuân, Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Mùa Hạ Bố-tát lần thứ ba và thứ bảy. Đó là trong một năm có sáu lần Bố-tát vào ngày mười bốn. Ngoài ra, mười tám lần Bố-tát còn lại vào ngày mười lăm, cộng chung lại gồm có hai mươi bốn lần Bố-tát, và được gọi là Bố-tát ngày mười bốn, Bố-tát ngày mười lăm và trung gian Bố-tát. Khi Tỳ-kheo làm lễ Bố-tát, nếu Tăng không hòa hợp (nên không Bố-tát được) mà có một Tỳ-kheo xướng lên: “Đợi khi nào Tăng hòa hợp sẽ Bố-tát” (thì Tăng không phạm tội). Nếu không có một Tỳ-kheo nào xướng như thế, thì Tăng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đến mười lăm ngày mà Tăng không hòa hợp thì đến ngày kế tiếp phải Bố-tát. Nếu ngày kế tiếp cũng không hòa hợp thì ngày thứ hai cho đến ngày thứ mười hai phải Bố-tát. Nếu ngày thứ mười hai cũng không hòa hợp thì đến ngày thứ mười ba phải Bố-tát. Nếu kỳ Bố-tát đó chỉ có mười bốn ngày, thì ngày thứ mười ba không được trung gian Bố-tát, mà phải dồn vào ngày mười bốn Bố-tát chung một lần. Ngày Bố-tát đó cũng gọi là trung gian Bố-tát, và cũng gọi là ngày Bố-tát chính thức. Nếu gặp tháng đủ (30 ngày), thì đến ngày thứ

mười ba có thể làm trung gian Bối-tát khi mà Tăng chúng hòa hợp. Nếu Tăng chúng bất hòa thì không được Bối-tát vào ngày thứ mười bốn mà để sang ngày thứ mười lăm Bối-tát luôn một lần. Lần Bối-tát này vừa gọi là trung gian Bối-tát, vừa gọi là chính thức Bối-tát. Vì sao vậy? Vì không được Bối-tát hai ngày liên nhau mà phải để cách một ngày Bối-tát. Đó gọi là trung gian Bối-tát. (Nếu trường hợp) đáng Bối-tát vào ngày thứ mười bốn thì không nên dời lại ngày mười lăm mới Bối-tát, trái lại đáng Bối-tát vào ngày thứ mười lăm thì cũng không được Bối-tát vào ngày mười bốn. Nhưng nếu có lý do chính đáng thì có thể Bối-tát được. Hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trung gian Bối-tát, đều gọi là thuyết (giới). Nếu nói rằng tôi bỏ sự thuyết giới ấy, thì gọi là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên.

Các hàng ngoại đạo khác cũng đều có sự thuyết giới. Nếu thật sự muốn bỏ sự thuyết giới ấy, giả vờ nói: “Tôi bỏ sự thuyết giới của ngoại đạo”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: “Tôi bỏ thuyết giới”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí cuồng điên nói bậy bạ thì không có tội.

Thế nào là bỏ cộng trú?

Cộng trú gồm có hai loại: Một là Cộng trú thanh tịnh. Hai là Cộng trú tương tự.

1. Cộng trú thanh tịnh: Tăng chúng đều thanh tịnh, cùng nhau Bối-tát, đó gọi là Cộng trú thanh tịnh.

2. Cộng trú tương tự: Không thanh tịnh mà làm ra vẻ thanh tịnh để cùng với người thanh tịnh làm lễ Bối-tát, đó gọi là Cộng trú tương tự. Hai loại Cộng trú thanh tịnh và Cộng trú tương tự đều được gọi là cộng trú. Nếu nói: “Tôi bỏ cộng trú”, thì gọi là bỏ giới, như trường hợp bỏ Phật đã nói ở trên.

Các hàng ngoại đạo cũng có sự cộng trú. Nếu thật sự muốn bỏ sự cộng trú ấy, giả vờ nói: “Tôi bỏ sự cộng trú ấy”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: “Tôi bỏ cộng trú” thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí điên cuồng nói bậy bạ: “Tôi bỏ cộng trú”, thì không có tội.

Thế nào là bỏ cộng lợi?

Cộng lợi gồm có hai loại: Một là Pháp lợi. Hai là Y thực lợi.

1. Pháp lợi là: Thọ tụng, thưa hỏi.

2. Y thực lợi là: Cùng nhận một sự bố thí.

Pháp lợi và Y thực lợi này nói chung là Cộng lợi. Nếu Tỳ-kheo nói: “Tôi bỏ những thứ lợi này” thì gọi là bỏ giới. Ngoài ra như bỏ Phật

đã nói rõ ở trên. Nếu nói: “Tôi bỏ Pháp lợi” tức là bỏ giới, nhưng nếu chỉ nói: “Tôi bỏ Y thực lợi”, thì không gọi là bỏ giới, song phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: “Tôi bỏ Y thực lợi của quá khứ, vị lai”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Các hàng ngoại đạo cũng có cộng lợi. Nếu thật tình muốn bỏ thứ cộng này, giả vờ nói: “Tôi bỏ thứ cộng lợi kia”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: “Tôi bỏ cộng lợi” thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì tâm trí cuồng điên nói bậy bạ: “Tôi bỏ cộng lợi”, thì không có tội.

Thế nào là bỏ Kinh Luận?

Các Kinh Luận gồm có chín bộ loại. Nếu Tỳ-kheo nói: “Tôi bỏ Kinh Luận này”, thì gọi là bỏ giới. Nếu nói: “Tôi bỏ Kinh Luận quá khứ, vị lai”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu dùng văn chương thì hóa lời Phật dạy để ngâm ca xướng tụng, rồi nói: “Tôi bỏ lời Phật dạy trong những xướng tụng ấy”, thì gọi là bỏ giới.

Các hàng ngoại đạo cũng có Kinh Luận. Nếu thật sự muốn bỏ thứ Kinh Luận này, và nói: “Tôi bỏ Kinh Luận của họ” thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói đùa: “Tôi bỏ Kinh Luận”, thì không gọi là bỏ giới, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tâm trí cuồng loạn nói bậy bạ: “Tôi bỏ Kinh Luận”, thì không phạm tội.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo nói: “Tôi bỏ Phật, Phật bỏ tôi, tôi lìa Phật, Phật lìa tôi, tôi xa Phật, Phật xa tôi, tôi chán Phật, Phật chán tôi, tôi thôi Phật, Phật thôi tôi...” như vậy đều gọi là bỏ giới. Hoặc là bỏ Kinh Luận cũng như thế, đều gọi là bỏ giới.

Không phải bỏ giới: Nếu vì giận dữ, vì bức đồng mà nói, hoặc nói một mình, hoặc nói mà không rõ, hoặc nhân tranh luận hoặc tưởng tượng một mình mà nói, hoặc nói với người không hiểu, hoặc nói với người ngủ, hoặc nói với người điên, hoặc nói với người đang khố não, hoặc nói với trẻ con, hoặc nói với phi nhân, hoặc nói với súc sinh v.v... nói trả giới trong những trường hợp như thế thì không gọi là bỏ giới.

Giới yếu kém: Người ấy suy nghĩ: “Chi bằng ta bỏ Phật, Pháp, Tăng, bỏ luôn Kinh Luận”. Lại suy nghĩ: “Ta nên làm Sa-di, làm người thế tục, làm ngoại đạo”. Người này tâm niệm, miệng nói, nhưng chưa quyết định hướng đến người khác nói, đó gọi là giới yếu kém. Nếu người này nói ra về giới yếu kém của mình, thì mỗi lời, mỗi lời đều phạm tội Thâu-lan-giá. Hoặc người ấy tâm niệm miệng nói: “Chi bằng ta bỏ Phật...” cho đến nói: “Chi bằng ta làm người thế tục như trước”, lại nói: “Ta bỏ Phật là tốt nhất” cho đến nói: “Ta sống lại đời sống thế

tục là tốt nhất”, đó gọi là giới yếu kém. Nếu nói lên giới yếu kém của mình, thì mỗi lời, mỗi lời đều phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là giới yếu kém.

Hành dâm: Cùng với người nữ có sinh mệnh hành dâm tại ba chỗ (âm hộ, hậu môn và miệng), lúc bắt đầu, giai đoạn giữa và lúc cuối cảm thấy khoái lạc, đó gọi là sự hành dâm. Nếu Tỳ-kheo giới yếu kém, hành dâm thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung (với Tăng chúng). Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người phụ nữ đang sống hay chết, tại ba chỗ như trên, lúc đầu, giai đoạn giữa và lúc cuối cảm thấy khoái lạc thì phạm tội Ba-la-di. Hoặc nếu hành dâm với loài phi nhân nữ, súc sinh cái trong các trường hợp như trên, cũng phạm tội như vậy, không được cùng sống chung (với Tăng chúng). Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người nam còn sống hay đã chết, loài phi nhân nam còn sống hay đã chết, loài súc sinh đực còn sống hay đã chết, tại hai chỗ (hậu môn và cửa miệng) và vào ba giai đoạn đầu, giữa và cuối cảm thấy khoái lạc thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người hoàng môn (lại cái) còn sống hay đã chết, loài phi nhân hoàng môn còn sống hay đã chết, loài súc sanh hoàng môn còn sống hay đã chết, tại hai chỗ, vào ba giai đoạn, mà cảm thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với thân con voi, ngựa đến thân con gà nhỏ, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu... thân con voi nhỏ, cho đến thân con gà lớn, thì phạm tội Ba-la-di. Thế nên nói “Cho đến cùng với súc sinh phạm tội Ba-la-di”.

Ba-la-di: Đối với chánh pháp tâm trí bị lui sụt, đọa lạc không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Như vậy là đối với các trí như vị trí, đẳng trí, tha tâm trí, khổ tập tận đạo trí, tận trí, vô sinh trí, đều bị lui sụt, đọa lạc, không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết-bàn bị lui sụt, đọa lạc, không chứng đạt được, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị lui sụt, đọa lạc, không đạt được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Những tội đã phạm không chịu phát lồ sám hối, nên gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo đem tâm nhiễm ô để xem phụ nữ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm nhiễm sám hối. Nếu mắt thấy họ, tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn như cả hai lỗ thể chạm xúc nhau, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu như nam căn đưa vào nữ căn, dù chỉ chạm nhau như hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu nam căn lớn, tuy đút vào nhưng chỉ

ở ngoài mé nữ căn, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Có những chúng sinh chỉ có một đường, vừa dùng để ăn uống, vừa để đại tiểu tiện, hoặc còn sống, hoặc là đã chết, nếu Tỳ-kheo hành dâm với họ mà cảm thấy lạc thú trong ba giai đoạn đầu, giữa và cuối, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân người nữ bị cắt dọc thành hai phần mà (Tỳ-kheo) hành dâm nơi mỗi phần, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu đem buộc cho dính lại thành một rồi hành dâm, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân người nữ bị cắt làm ba phần: Thượng, trung, hạ, mà Tỳ-kheo đến hành dâm hai phần thượng và hạ thì phạm tội Ba-la-di. Nếu hành dâm ở phần trung thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu hành dâm với thân của một người nữ bầm xanh, sình chướng, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu thân ấy đã hư hoại, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu thân ấy còn toàn vẹn nhưng đã phơi khô, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu đem dầu hay nước tắm ướm làm cho tươi nhuận, nguyên vẹn, rồi hành dâm, thì phạm tội Ba-la-di. Còn như đem tắm ướm mà rã ra rồi hành dâm, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Còn như hành dâm vào những đốt xương dính vào nhau đầy máu huyết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như hành dâm vào những đốt xương khô, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu như hành dâm vào tượng phụ nữ bằng gỗ đá, hay bằng hình vẽ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo không nói trả giới, không nói không trả giới, hoặc vì giới yếu kém mà không nói trả giới, cũng không nói không trả giới, rồi làm người thế tục, thì tùy theo sự vi phạm mà như pháp trị tội, hoặc làm ngoại đạo cũng như thế.

Khi hành dâm nếu một người lỏa thể, một người có y phục, hoặc cả hai cùng lỏa thể, nếu nam căn vào trong nữ căn ngang mức bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo không trả giới, hoặc vì giới yếu kém mà không cho ai biết, rồi mặc đồ thế tục và phạm tội, thì tùy theo sự vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo cưỡng dâm Tỳ-kheo-ni, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni cảm thấy khoái lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo cảm thấy khoái lạc cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo cùng hành dâm với Tỳ-kheo, thì cả hai cùng phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với Sa-di, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, và Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo hành dâm với người thế tục, thì Tỳ-kheo phạm tội Ba-la-di, nhưng người thế tục không phạm. Đối với ngoại đạo cũng thế.

Nếu Tỳ-kheo hành dâm với ba chủng loại: Người, phi nhân, súc sinh, với ba giới tính: Nữ, nam, hoàng môn, tại ba chỗ: Cửa miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: đang thức, lúc ngủ, hoặc thay chết, đều phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đang ngủ, điên cuồng hay nhập định mà có người nữ đến cưỡng dâm, rồi Tỳ-kheo hay biết và có khoái lạc trong ba giai đoạn đầu, giữa hay cuối, thì phạm tội Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đang ngủ hay nhập định mà có người nữ đến cưỡng dâm, Tỳ-kheo liền hay biết, nhưng lúc đầu không thấy khoái lạc, song lúc giữa và lúc cuối thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Giả như Tỳ-kheo lúc đầu, lúc giữa không thấy khoái lạc, nhưng lúc cuối thấy khoái lạc, thì phạm tội Ba-la-di. Trái lại, nếu cả ba giai đoạn: Đầu, giữa và cuối đều không thấy khoái lạc thì không có tội.

Thế nào gọi là cảm thấy khoái lạc?

Thế nào gọi là không cảm thấy khoái lạc?

Khoái lạc nghĩa là như người đói mà được các thức ăn ngon, vì người ấy xem thức ăn là khoái lạc nhất. Hoặc như người đang khát mà được các thức uống bổ dưỡng, vì người ấy xem thức uống là lạc thú nhất. Dục lạc (cái vui của nhục dục) cũng như thế.

Không cảm thấy khoái lạc nghĩa là: Ví như người đang sạch sẽ mà dùng các thứ xác chết buộc vào trên cổ, hoặc như phá vỡ mụn nhọt, hay bị thanh sắt nóng đốt thân; không thấy khoái lạc cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo hành dâm trong các trường hợp: Hoặc do mua dâm, hoặc do thuê bao, hoặc vì ân nghĩa mà được, hoặc do quen biết mà được, hoặc do đùa cợt mà được, hoặc do thách thức mà được... đều phạm tội Ba-la-di. Nếu vì tâm trí điên cuồng không hay biết, thì không có tội.

Thế nên nói:

- Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc trước chúng Tăng hòa hợp, không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi (Tăng chúng) mà hành dâm, thậm chí hành dâm với súc sinh thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung (với Tăng chúng).

(Giải thích Giới thứ nhất đến đây là hết).

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại thành Tỳ-xá-ly. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng xế độ nửa thân người, ngày mười hai tháng thứ năm của mùa Đông, sáu năm sau khi thành đạo, vì Trưởng lão Da-xá con của Ca-lan-đà mà chế giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.
